

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày 16 - 8 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải;

Bà Hoàng Thị Thúy Vân;

Ông Hà Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hoàng Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/TLST - HS, ngày 30 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo: **Phan Hồng L**; (tên gọi khác: không); Sinh ngày 18 tháng 9 năm 1992 tại Hà Tĩnh; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 69C VĐ, phường BĐ, quận HBT, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Phan Văn S; sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Thị Minh H; Sinh năm 1962; bị cáo là con duy nhất; có chồng là: Nguyễn Việt A, Sinh năm 1992 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nhữ Thị M, Văn phòng luật sư Thanh Hoa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; (có mặt tại phiên tòa).

*** Những người bị hại:**

1. Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 26, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989, trú tại: phòng 1908, tòa C, chung cư G số 275 NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Ông Trịnh Quang T, sinh năm 1957, HKTT: 11A, xóm M, phường NH, quận BĐ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: phòng 310A2, tập thể NĐ, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội (có đơn xin xử vắng mặt).

4. Anh Phạm Tiến D, sinh năm 1975; trú tại: Tổ 8, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (có đơn xin xử vắng mặt).

5. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1974; trú tại: số 28 đường VG, phố 9, phường VG, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình (có đơn xin xử vắng mặt).

6. Anh Phạm Tiến T, sinh năm 1978, HKTT: 12A06 E 1B Đô thị mới YH, CG, Hà Nội; Chỗ ở: 480B, XD, phường ND, quận DD, thành phố Hà Nội (có đơn xin xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1962; Trú tại: Tổ 68, phường LH, quận DD, Hà Nội (là mẹ đẻ bị cáo, có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Phan Văn S, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 68, phường LH, quận DD, Hà Nội (là bố đẻ bị cáo, có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Hồng L do cần tiền trả nợ và sử dụng cá nhân nên đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức hỏi mua hàng sau đó yêu cầu được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng qua dịch vụ Internet banking để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại các cửa hàng vàng bạc, cửa hàng bán Đàn (nhạc cụ) trên các tỉnh, thành phố khác nhau, cụ thể:

Khoảng 12 giờ ngày 08/7/2018, L thuê xe taxi đi một mình từ thành phố Hà Nội đến tỉnh Thái Nguyên với mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đến khu vực đường tròn GT thuộc thành phố TN, L xuống xe và tiếp tục thuê một xe taxi khác của hãng taxi YB, biển kiểm soát 30A-91814 do anh Nguyễn Kim T (sinh năm 1991, trú tại: Xóm C1, xã NL, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển. L yêu cầu anh T đưa L đến cửa hàng vàng nào đó có thể đổi được đô la Mỹ, nên anh T đưa L đến cửa hàng vàng bạc HH thuộc tổ 3, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. L xuống xe taxi và dặn anh T đợi ở ngoài. L đi vào trong cửa hàng thì gặp chủ cửa hàng là bà Trần Thị Bích H (sinh năm 1972, trú tại: Tổ 26, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên) đang bán hàng. L tự giới thiệu với bà H tên là “L” nhà ở Hà Nội và đang muốn mua một số trang sức bằng vàng. Sau đó, L chọn mua một vòng tay bằng vàng 999 trọng lượng 03 chỉ, 02 (hai) nhẫn vàng loại 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ, một vòng Charm đeo tay. Tổng giá trị số tài sản L chọn mua là 19.200.000đ (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng). L đề nghị bà H thanh toán số trang sức trên bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng, bà H đồng ý. Sau đó, bà H cung cấp cho L số tài khoản ngân hàng 101004158051 mở tại ngân hàng Vietinbank mang tên ông Phạm Văn S (sinh năm 1956; ĐKKHTT: CT4X2 BLĐ, phường HL, quận HM, TP Hà Nội) là anh rể của bà H. L dùng điện thoại Iphone 6 của mình có lắp số thuê bao 0973.508.811 đăng nhập vào ứng dụng Internet banking của ngân hàng VIB với mục đích thực hiện lệnh chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng trên cho bà H. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lệnh chuyển tiền cho bà H, L cố tình

nhập sai thông tin tài khoản ngân hàng người nhận (tài khoản do bà H cung cấp) để số tiền L chuyển khoản sẽ được hoàn trả vào tài khoản của L. Sau khi thực hiện xong thao tác trên, L nhận được tin nhắn của ngân hàng VIB báo biến động số dư đã trừ số tiền 19.200.000đ (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) gửi vào số điện thoại 0973.508.811 của L. L cho bà H xem tin nhắn và nói đã chuyển tiền cho bà H thành công. Tuy nhiên, bà H kiểm tra điện thoại lắp số thuê bao 0977.833.104 (đăng ký dịch vụ tin nhắn ngân hàng) của ông Phạm Văn S nhưng không thấy có tin nhắn báo nhận được số tiền L vừa chuyển khoản nên bà H không đồng ý thực hiện giao dịch mua bán với L. L nói với bà H là điện thoại của mình hết pin nên muốn mượn điện thoại của bà H để chụp ảnh các mẫu trang sức gửi cho bạn của L để tham khảo mua. Bà H đồng ý và đưa điện thoại Iphone 7 plus của mình (lắp số thuê bao là 0948.971.999) cho L mượn. Nhưng thực chất, L sử dụng điện thoại của bà H chụp ảnh mẫu vàng và gửi tin nhắn vào chính số điện thoại 0973.508.811 của mình. Sau đó, L kiểm tra trên điện thoại của bà H và phát hiện có lưu tin nhắn do ngân hàng VPBank gửi đến từ trước báo biến động số dư tài khoản ngân hàng VPBank của bà H. L sao chép nội dung tin nhắn này và dùng điện thoại của bà H gửi tin nhắn trên đến số điện thoại 0903.214.337 của L (được lắp trên chiếc điện thoại Nokia 215 màu đen) để lấy số dư và thông tin số tài khoản ngân hàng VPBank của bà H. Tiếp đó, L lưu số điện thoại 0903.214.337 của L vào danh bạ điện thoại của bà H với tên là “VPBANK” nhằm mục đích giả danh số tổng đài ngân hàng VPBank. Sau khi đã thực hiện xong các thao tác trên, L trả lại điện thoại cho bà H và hỏi bà H có sử dụng tài khoản của ngân hàng VPBank không để L chuyển tiền thanh toán mua vàng. L giải thích cho bà H là nếu chuyển tiền cùng hệ thống ngân hàng VPBank bà H sẽ nhận được tiền chuyển ngay. Nghe L nói vậy, bà H tin tưởng nên cung cấp số tài khoản ngân hàng là 98085866 của mình mở tại ngân hàng VPBank cho L. Sau đó, L dùng điện thoại Nokia 215 (lắp số thuê bao 0903.214.337) soạn tin nhắn có nội dung giả mạo tin nhắn của ngân hàng VPBank thông báo đã chuyển thành công số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng số 98085866 của bà H và gửi đến số điện thoại 0948.971.999 của bà H. Bà H thấy tin nhắn “VPBANK” đến điện thoại của mình (nhưng thực chất là tin nhắn do L gửi đến) báo nhận được 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nên bà H tin tưởng là L đã chuyển tiền thanh toán mua vàng. Bà H giao cho L số tài sản đã chọn mua và trả lại cho L 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền thừa. Thanh toán xong, L tiếp tục chọn mua một lượng vàng SJC, một nhẫn vàng ta loại 3 chỉ, một kiềng vàng đeo cổ loại 999 trọng lượng 5 chỉ, 01 vòng Charm và 5.300 USD. Tổng giá trị số tài sản L chọn mua trong lần này là 189.715.000đ (một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm mười năm nghìn đồng). L tiếp tục sử dụng thủ đoạn như trên và dùng điện thoại Nokia 215 (lắp số thuê bao 0903.214.337) gửi 02 tin nhắn có nội dung chuyển thành công vào tài khoản ngân hàng số 98085866 của bà H với số tiền là 90.000.000đ

(chín mươi triệu đồng) và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Bà H nhận được 02 tin nhắn trên của “VPBANK” gửi đến nên tin tưởng giao toàn bộ số tài sản trên và trả lại số tiền thừa là 285.000đ (hai trăm tám mươi năm nghìn đồng) cho L. Sau khi L chiếm đoạt được toàn bộ số tài sản nêu trên của bà H, L đi ra xe taxi bảo anh T đến cửa hàng vàng KQ ở Số 19 đường GT thuộc tổ 11, phường TT, TP TN, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, L gặp nhân viên của cửa hàng là Dương Văn C (sinh năm 1964, Trú tại: Xóm G, HT, thị xã PY, Thái Nguyên) đang bán hàng. L đã bán cho cá nhân C số tài sản gồm: 01 (một) lượng vàng SJC và 3.800 USD được số tiền 123.400.000đ (một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng). L nhận đủ số tiền nêu trên và đến cửa hàng V tỉnh Thái Nguyên (địa chỉ số 4 đường HVT, TP TN, tỉnh Thái Nguyên) để nạp tiền vào các tài khoản ngân hàng của L qua ứng dụng của V. Sau khi chuyển tiền xong, L yêu cầu anh T đưa về thành phố Hà Nội. Đến khu vực phố CL (thuộc phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội), L xuống xe và trả tiền xe cho anh T 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng). Sau đó, L đi một mình đến cửa hàng vàng TQ (địa chỉ: Số 7, chợ LT, phố CL, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội) do Chu Công T (sinh năm 1963 (trú tại: Số 15, phố QTG, phường VC, ĐĐ, thành phố Hà Nội) làm chủ. Tại đây, L bán cho anh T số tài sản đã chiếm đoạt tại cửa hàng vàng HH trước đó gồm: 01 kiềng vàng trọng lượng 5 chỉ, 01 lắc tay bằng vàng trọng lượng 3 chỉ, 01 nhẫn vàng loại 3 chỉ, 02 nhẫn vàng loại 1 chỉ và 1.500 USD được số tiền là 76.775.000đ (bảy mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Trong quá trình bán số tài sản do L lừa đảo chiếm đoạt tại cửa hàng vàng HH, L đưa cho Chu Công T bốn phiếu bảo đảm vàng của cửa hàng vàng HH. Đến chiều ngày 09/8/2018, bà H ra ngân hàng rút tiền thì phát hiện trong tài khoản ngân hàng số 98085866 của mình không có số tiền do L chuyển ngày 08/7/2018 như các tin nhắn “VPBANK” báo biến động số dư. Bà H kiểm tra điện thoại thì phát hiện các tin nhắn báo nhận được tiền trên điện thoại của mình với tên “VPBANK” thực chất là do số điện thoại 0903.214.337 gửi đến. Biết bản thân bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bà H đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an. Sau khi mua số tài sản nêu trên của L vào ngày 08/07/2018, C và T đã bán lại cho các khách mua (không rõ tên tuổi, địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được số tài sản trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3220 ngày 07/9/2018, của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên xác định trị giá số tài sản L chiếm đoạt của bà H trị giá 205.827.497đ (hai trăm linh năm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng). Ngoài ra, bà H đã trả lại cho L số tiền 1.085.000đ (một triệu không trăm tám mươi năm nghìn đồng). Như vậy, tổng trị giá số tài sản mà Phan Hồng L đã chiếm đoạt tại cửa hàng vàng HH vào ngày 08/7/2018 là 206.912.497đ (hai trăm linh sáu triệu chín trăm mười hai nghìn bốn trăm chín bảy đồng).

Về việc bồi thường dân sự: Bà Trần Thị Bích H yêu cầu L phải bồi thường thiệt hại số tài sản do L chiếm đoạt là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng). Đến nay, L và gia đình đã bồi thường đủ số tiền 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) cho bà H.

Ngoài lần phạm tội nêu trên, quá trình điều tra đã làm rõ trong khoảng thời gian từ ngày 19/12/2017 đến ngày 10/7/2018, Phan Hồng L đã 05 lần sử dụng thủ đoạn như trên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các cá nhân trên các tỉnh thành phố khác nhau, cụ thể:

Lần thứ nhất:

- Ngày 10/12/2017, Phan Hồng L truy cập vào mạng Internet với mục đích tìm mua đàn piano và tìm được địa chỉ bán đàn piano tại số 275 NT, TXT, quận TX, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 08 giờ ngày 19/12/2017, L đi taxi đi một mình đến cửa hàng bán đàn để xem đàn. L gặp anh Phạm Văn T (sinh năm 1989; trú tại địa chỉ nêu trên) là chủ cửa hàng, L giới thiệu tên là “P” và nói với anh T là đang cần mua một chiếc đàn piano. Anh T tư vấn cho L chọn mua một chiếc đàn piano nhãn hiệu Yamaha G5E với giá là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). L nói với anh T do được người khác nhờ mua nên đề nghị anh T báo giá chiếc đàn trên thành 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) với mục đích để L được hưởng số tiền chênh lệch là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Anh T đồng ý và bảo L đi sang quán cà phê bên cạnh để ngồi nói chuyện. Trong lúc ngồi tại quán cà phê uống nước, L hỏi mượn điện thoại anh T nói là để gọi cho mẹ chồng chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho anh T. Anh T đồng ý và đưa cho L mượn điện thoại Iphone 8 Plus của mình có lắp số thuê bao 0987.589.689. Trong quá trình L sử dụng điện thoại của anh T, L kiểm tra và phát hiện trong điện thoại của anh T có lưu tin nhắn của ngân hàng Sacombank báo số dư tài khoản ngân hàng của anh T là “343.267 VNĐ” nên L nhập số điện thoại 0985.879.361 của mình để lưu vào danh bạ điện thoại của anh T với tên là “Sacombank” nhằm mục đích giả danh số tổng đài ngân hàng của Sacombank. Sau khi thực hiện xong các thao tác trên, L trả lại điện thoại cho anh T và hỏi anh T có số tài khoản ngân hàng Sacombank không để L bảo mẹ chồng L chuyển số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) cho anh T; trong đó có 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là tiền đặt cọc, còn lại 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) là tiền hoa hồng của L được hưởng. L hẹn anh T đến ngày 30/12/2017, khi anh T chuyển đàn piano đến khu đô thị VH thuộc quận LB, thành phố Hà Nội thì L sẽ thanh toán cho anh T số tiền còn lại là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Anh T đồng ý và cung cấp cho L số tài khoản ngân hàng của anh T là 020031921581 mở tại ngân hàng Sacombank chi nhánh ĐC - Hà Nội. Sau đó, L dùng điện thoại Nokia 1202 màu đen (lắp số thuê bao 0985.879.361) soạn tin nhắn với nội dung: “ *Sacombank 19/12/2017 8:44 +90,000,000 VND vào TK 020031921581 dat coc tien mua dan piano – So du kha dung: 90,343,267 VND*” gửi vào số điện thoại 0987.589.689 của anh T với

mục đích giả danh ngân hàng Sacombank báo giao dịch chuyển tiền thành công. Anh T thấy tin nhắn với tên “Sacombank” gửi đến có nội dung nhận được 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) nên tin tưởng L đã chuyển tiền cho mình. Anh T đi bộ sang cửa hàng đàn của mình lấy số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) mang sang quán cà phê đưa cho L và viết giấy đặt mua đàn. L cầm đủ số tiền trên và đi taxi ra về.

Đến khoảng 15 giờ chiều cùng ngày, L dùng số điện thoại của mình là 0973.508.811 gọi đến số điện thoại 0987.589.689 của anh T (L nói với anh T là người sáng nay đã đặt mua đàn piano); L lấy lý do có một người bạn ở Bắc Ninh nhờ L mua một chiếc đàn piano. Do vậy, L muốn mua thêm một chiếc đàn piano giống như buổi sáng đã thỏa thuận mua của anh T. L nói sẽ thanh toán luôn số tiền là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng). Anh T đồng ý và nói cước vận chuyển đàn đến Bắc Ninh là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nên giá của chiếc đàn piano sẽ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), L đồng ý mua. Đến 17 giờ 19 phút cùng ngày, khi L ngồi uống nước tại quán cà phê ở địa chỉ số 64 đường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội, L dùng số điện thoại 0985.879.361 của mình soạn một tin nhắn với nội dung chuyển tiền: “*Sacombank 19/12/2017 17:14 +190.000.000 VND vào TK 020031921581 chuyen tien dat dan - So du kha dung: 270,343,267 VND*” gửi đến số điện thoại 0987.589.689 của anh T. Sau khi gửi tin nhắn xong, L sử dụng số điện thoại khác là 0973.508.811 gọi cho anh T hỏi xem đã nhận được tin nhắn báo chuyển tiền hay chưa. Anh T trả lời L đã nhận được tin nhắn báo nhận được tiền của ngân hàng. L nói sẽ cho người đến lấy số tiền chênh lệch là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại dùng để thanh toán tiền mua đàn. L hẹn anh Trường đến ngày 30/12/2017, L sẽ cung cấp cho anh T địa chỉ cụ thể để vận chuyển đàn đến tỉnh Bắc Ninh. Ngay sau đó, L nhờ Lê Sỹ Đ (sinh năm 1990; ĐKHKT: PH, xã HG, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa) là nhân viên của quán cà phê đi lấy hộ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tại cửa hàng đàn của anh T, Đ đồng ý nên L cung cấp số điện thoại của anh T cho Đ. Đ gọi điện cho anh T nói sẽ đến lấy tiền, anh T đồng ý và bảo Đ đến cửa hàng của mình. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ đến cửa hàng piano và gặp anh T lấy số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Sau khi lấy được tiền xong, Đ cầm số tiền này mang về quán cà phê và đưa cho L. Sau đó, L trả tiền nước và công cho Đức số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Đến khoảng 16 giờ ngày 20/12/2017, L tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh T nên dùng số điện thoại 0973.508.811 gọi điện cho anh T, L nói muốn mượn số tài khoản ngân hàng của anh T để nhờ nhận tiền của bạn chuyển. L hứa trả cho anh T số tiền thuê thợ lắp đặt đàn tại Bắc Ninh là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), anh T đồng ý. L tiếp tục dùng số điện thoại của mình là 0985.879.361 soạn tin nhắn với nội dung: “*Sacombank 20/12/2017 16:54 +60,000,000 VND vào TK 020031921581 cho P vay - So du kha dung: 330,343,267 VND*” gửi vào số điện thoại 0987.589.689

của anh T. Gửi tin nhắn xong, L dùng số 0973.508.811 gọi điện thoại cho anh T hỏi xem đã nhận được tin nhắn báo nhận được tiền chưa. Anh T kiểm tra thấy tin nhắn nên bảo với L là đã nhận được tiền. L nói do bận việc nên sẽ cho người đến lấy tiền hộ, anh T đồng ý. L tiếp tục nhờ Đ đến cửa hàng piano của anh T để lấy số tiền là 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng), Đ đồng ý và đến gặp anh T lấy số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) mang tiền về quán cà phê và đưa lại cho L. L đưa cho Đ số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để trả công. Đến khoảng 12 giờ ngày 21/12/2017, L tiếp tục dùng số 0973.508.811 gọi vào số điện thoại của anh T. L nói có một người chị ở trong miền Nam nhờ mua đàn nên muốn mua thêm một chiếc đàn piano (giống như 02 chiếc đàn piano trước). Anh T đồng ý và báo giá của chiếc đàn là 145.000.000đ (một trăm bốn mươi năm triệu đồng), L đề nghị anh T cộng thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để L hưởng tiền chênh lệch. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, L gặp anh Trần Đức M (sinh năm 1993, ĐKKHKT: Số 150 ngõ TT 1, TQ, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội) tại quán Internet ngõ TT 1, TQ, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. L hỏi mượn điện thoại của anh M rồi sử dụng số điện thoại 0983.368.853 của anh M và gọi điện cho anh T. L giả giọng miền Nam để anh T tưởng L là người khác, L hỏi anh T về giá của chiếc đàn piano thì anh T có cung cấp giá của chiếc đàn là 195.000.000đ (một trăm chín mươi năm triệu đồng). L nói để suy nghĩ thêm nếu đồng ý sẽ chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản ngân hàng cho anh T. Sau đó, L trả điện thoại cho anh M. Đến khoảng 15 giờ ngày 21/12/2017, anh T ra ngân hàng để rút tiền thì phát hiện không có số tiền do L chuyển vào tài khoản ngân hàng. Anh T kiểm tra lại nội dung tin nhắn trong điện thoại thấy các tin nhắn gửi đến trước đó với tên “Sacombank” thực chất là số điện thoại 0985.879.361. Lúc này, anh Tg biết bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn trình báo công an quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để xử lý theo quy định. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L tiếp tục soạn tin nhắn với nội dung: “*Sacombank 21/12/2017 16:56 +75,000,000 VND vào TK 020031921581 dat dan con 120trieu - So du kha dung: 405,343,267 VND*” gửi vào số điện thoại 0987.589.689 của anh T. Sau đó, L dùng số điện thoại 0973.508.811 gọi cho anh T nói về việc đã chuyển tiền đặt mua đàn. L nói sẽ cho người tạm thời lấy trước số tiền hưởng chênh lệch là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), anh T đã biết thủ đoạn của L nhưng vẫn giả vờ đồng ý và thông báo cho Công an phối hợp để bắt quả tang L. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L thuê Lê Sỹ Đ (sinh năm 1988; ĐKKHKT: Thôn 4, xã HG, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa) là nhân viên quán cà phê đưa L đến cửa hàng piano để lấy tiền. Khi đến cửa hàng Đ đi vào cửa hàng và gặp anh T để lấy tiền còn L đứng ở bên ngoài đợi. Do tại cửa hàng của anh T còn số tiền là 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) nên anh T đưa hết cho Đ. Sau đó, Đ cầm số tiền này đi ra ngoài và đưa lại cho L thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và tạm giữ số tiền trên.

Về dân sự: Anh Phạm Văn T đề nghị L bồi thường số tiền là 179.000.000đ (một trăm bảy mươi chín triệu đồng) đã bị L chiếm đoạt. L và gia đình đã bồi thường cho anh T số tiền là 164.000.000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Đối với số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) tạm giữ của L khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh T theo quy định. Hiện anh T không có yêu bồi thường thêm gì nữa.

Lần thứ hai:

Khoảng 16 giờ ngày 9/6/2018, Phan Hồng L đến cửa hàng vàng TA ở số: 2A ngõ 119 HDD, phường ND, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội gặp hai vợ chồng chủ cửa hàng là ông Trịnh Quang T (sinh năm 1957) và bà Hà Mai H (sinh năm 1970) cùng trú tại địa chỉ: P310A2 tập thể ND, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. L xưng tên là “L” và nói là đang cần mua một số trang sức bằng vàng. Ông T và bà H có giới thiệu cho L xem các mẫu trang sức bằng vàng khác nhau. Sau đó, L chọn mua một nhẫn vàng 9999 loại 01 chỉ và một đôi bông tai bằng vàng trắng với tổng giá trị là 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng). L đề nghị với ông T được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng, ông T đồng ý và cung cấp số tài khoản ngân hàng BIDV của mình là 2161.0000.356963 cho L. Khi có được số tài khoản ngân hàng của ông T, L lấy điện thoại giả vờ thao tác thực hiện chuyển khoản ngân hàng. Được khoảng 05 phút, L hỏi ông T “*đã nhận được tiền chưa?*”. Ông T trả lời: “*Vẫn chưa thấy tin nhắn báo nhận được tiền*”. Nghe ông T nói vậy, L nói đã chuyển tiền rồi nhưng có thể do máy điện thoại ông T hỏng nên không nhận được. Sau đó, L lấy điện thoại Nokia N70 có lắp số điện thoại 0904.292.583 của ông T để kiểm tra. L vào phần tin nhắn phát hiện tin nhắn ngân hàng BIDV lưu trong điện thoại của ông T. Sau khi L xem tin nhắn và biết số dư trong tài khoản ngân hàng BIDV của ông T thì L lưu số điện thoại của mình là 0903.214.337 vào danh bạ trên điện thoại của ông T với tên là “BIDV”, nhằm mục đích giả danh số tổng đài ngân hàng BIDV. Sau đó, L nói “*để gọi điện thoại cho tổng đài ngân hàng để kiểm tra xem lý do tại sao chưa nhận được tin nhắn chuyển tiền*”. L giả vờ gọi điện thoại một lúc rồi nói với ông T là do L ấn nhầm vào mục chuyển tiền chậm nên không nhận được tiền ngay. Sau đó, L trả lại chiếc điện thoại Nokia N70 cho ông T và nói sẽ chuyển nhanh thử trước 100.000đ (một trăm nghìn đồng) xem ông T có nhận được tiền ngay hay không. L dùng điện thoại Nokia 215 màu đen của mình lắp số thuê bao 0903.214.337 soạn tin nhắn với nội dung “TK21610000356963 tại BIDV +100,000VND vào 20:35 09/06/2018, Số dư: 7,255,993VND. ND: ct mua vàng” gửi vào số điện thoại 0904.292.583 của ông T (do trước đó L đã lấy điện thoại của ông T gọi sang số điện thoại của L). Ông T nhận được tin nhắn từ “BIDV” nên tin tưởng là L đã chuyển tiền thành công. Sau đó, L lấy lý do sắp đi sang Singapore cần mua 1.000 USD, ông T đồng ý bán thêm cho L số đô la Mỹ trên. Ông T tính tổng số tiền trang sức trước đó L chọn mua và 1.000 USD với giá trị là 29.200.000đ (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). L đồng ý mua và sử dụng

số điện thoại của mình là 0903.214.337 soạn tin nhắn với nội dung chuyển tiền “TK21610000356963 tại BIDV +30,000,000VND vào 17:22 09/06/2018, So du:37,255,993VND. ND: ct mua vàng” gửi vào số điện thoại 0904.292.583 của ông T. Ông T sau khi nhận được tin nhắn và tưởng là tin nhắn của ngân hàng BIDV nên đưa toàn bộ số tài sản gồm: 01 nhẫn vàng 9999 loại 1 chỉ, 01 đôi hoa tai bằng vàng trắng và 1.000 USD cho L và trả lại cho L số tiền thừa là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Thanh toán xong, L tiếp tục hỏi mua thêm 3.500 USD, 01 vòng tay hạt bột vàng, 01 nhẫn vàng 9999 loại 0,5 chỉ với tổng giá trị là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). L tiếp tục dùng số điện thoại của mình là 0903.214.337 soạn tin nhắn với nội dung chuyển tiền “TK21610000356963 tại BIDV +90,000,000VND vào 17:42 09/06/2018, So du:127,255,993VND. ND: ct mua vàng” gửi vào số điện thoại 0904.292.583 của ông T. Sau khi ông T nhận được tin nhắn do L chuyển đến nên viết hóa đơn mua hàng và giao toàn bộ số tài sản trên cho L. L cầm số tài sản này và nói khi nào ông T nhận được số tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) do L trước đó chuyển chậm thì gọi điện cho L đến để lấy lại tiền, sau đó L ra về. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L dùng số điện thoại 0903.214.337 gửi tin nhắn đến số điện thoại 0914.991.102 của Bùi Thị Kim A (sinh năm 1983; trú tại: Xóm VY, xã NH, huyện TT, TP Hà Nội) nhờ đôi giúp L 1.500 USD và được Kim A đồng ý. Sau đó, L nhờ một người đàn ông lái xe taxi (không rõ tên tuổi) mang số tiền 1.500 USD đưa cho Kim A. Sau khi, Kim A mang bán số đô la Mỹ này được 33.700.000đ (ba mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) và đưa toàn bộ số tiền nêu trên cho người đàn ông lái xe taxi kia mang về cho L. Số tài sản còn lại gồm vàng và 3.000 USD, L đem bán tại một cửa hàng vàng trên đường L, thành phố Hà Nội (không rõ địa chỉ) được số tiền là khoảng 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). L đã sử dụng toàn bộ số tiền từ việc bán tài sản đã chiếm đoạt được tại cửa hàng vàng TA sử dụng cá nhân hết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đến 14 giờ 47 phút ngày 10/6/2018, L dùng số điện thoại của mình là 0903.214.337 soạn tin nhắn với nội dung chuyển tiền: “TK21610000356963 tại BIDV +6,300,000VND vào 14:47 10/06/2018, So du:133,555,993VND. ND: ct mua vàng” gửi vào số điện thoại 0904.292.583 của ông T. Sau đó, L dùng số điện thoại khác của L là 0923.213.683 gọi điện cho ông T hỏi xem đã nhận được tiền hay chưa để L đến lấy lại số tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Ông T nói đã nhận được tin nhắn báo nhận được tiền nhưng do bận việc nên hẹn L hôm sau đến lấy. Đến 09 giờ ngày 11/6/2018, ông T ra ngân hàng rút tiền thì được phía ngân hàng thông báo tài khoản ngân hàng BIDV của ông T chỉ có 7.155.993đ (bảy triệu một trăm năm mươi năm nghìn chín trăm chín mươi ba đồng). Toàn bộ số tiền L chuyển cho ông T để thanh toán tiền mua vàng và đô la Mỹ không có trong tài khoản. Khi ông T kiểm tra điện thoại phát hiện nội dung các tin nhắn chuyển tiền mang tên “BIDV” thực chất là số điện thoại 0903.214.337 gửi đến biết bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản ông T làm đơn trình

báo đến Cơ quan Công an. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên, L đã sử dụng cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài số 328 ngày 14/8/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xác định tổng trị giá số tài sản L chiếm đoạt của ông Trịnh Quang T là 118.334.000đ (một trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ngoài ra ông T còn trả cho L số tiền là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) là tiền thừa khi L chuyển khoản. Vậy tổng trị giá tài sản do L chiếm đoạt của ông T là 119.134.000đ (một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Về dân sự: Ông Trịnh Quang T yêu cầu L phải bồi thường khắc phục hậu quả với số tiền là 119.134.000đ (một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Hiện tại, L chưa bồi thường được số tiền trên.

Lần thứ ba:

Vào sáng ngày 15/6/2018, Phan Hồng L đi xe taxi đi từ thành phố Hà Nội đến địa bàn thành phố PL, tỉnh Hà Nam, với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khoảng 12 giờ cùng ngày, L đi taxi đến cửa hàng vàng AT có địa chỉ: Số 34, đường BH, TP PL, tỉnh Hà Nam. L vào cửa hàng gặp hai vợ chồng chủ cửa hàng là anh Phạm Tiến D (sinh năm 1975) và chị Lê Thị Hồng A (sinh năm 1977) cùng trú tại: Tổ 8, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam đang bán hàng. L hỏi mua một số trang sức bằng vàng và được anh D, chị Hồng A tư vấn. L lấy lý do muốn chụp ảnh các sản phẩm để gửi cho bạn xem trước nhưng điện thoại của L hết pin nên muốn mượn điện thoại của anh D để sử dụng. Anh D đồng ý và đưa cho L mượn chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng của mình (lắp số điện thoại 0979.742.975). L cầm điện thoại của anh D và phát hiện tin nhắn ngân hàng BIDV lưu trong điện thoại của anh D nên biết số dư tài khoản ngân hàng và lưu số điện thoại của L là 01882.944.544 vào danh bạ điện thoại anh D với tên là “BIDV” nhằm mục đích giả danh số tổng đài ngân hàng BIDV. L trả lại chiếc điện thoại Iphone 6 Plus cho anh D. L tiếp tục chọn mua một lắc chân bằng vàng tây trọng lượng 0,8 chỉ với giá là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). L đề nghị anh D được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng trước 1.000.000đ (một triệu đồng), anh D đồng ý và cung cấp cho L số tài khoản ngân hàng 4821.0000.332566 của mình mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Nam. Sau khi có số tài khoản ngân hàng của anh D, L sử dụng điện thoại lắp thuê bao 01882.944.544 soạn tin nhắn với nội dung: “TK48210000332566 tại BIDV +1,000,000VND vào 11:56 15/6/2018. Số dư:1,928,601VND. ND: gửi tiền mua vàng” gửi vào số điện thoại 0979.742.975 của anh D. Anh D nhận được tin nhắn với tên là “BIDV” (nhưng thực chất đó là tin nhắn do L mạo danh ngân hàng) nên tin tưởng L đã chuyển tiền cho mình và đồng ý giao tài sản cho L. Sau đó, L chọn mua tiếp một số tài sản gồm: Một con ngê bằng vàng 9999 trọng lượng 0,8 chỉ; 02 vị thần tài bằng vàng 9999; một dây đeo cổ bằng vàng trọng lượng 2,5 chỉ. Tổng giá tiền là 16.463.000đ (mười

sáu triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng). L nói sẽ chuyển số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) còn việc thừa tiền sẽ tính sau, anh D đồng ý. L dùng số điện thoại 01882.944.544 soạn tin nhắn với nội dung: “TK48210000332566 tại BIDV +20,000,000VND vào 12:15 15/6/2018. Số dư:21,928,601VND. ND: gửi tiền mua vàng” gửi vào số điện thoại của anh D. Anh D nhận được tin nhắn từ “BIDV” nên đã trả lại cho L số tiền thừa trong 02 lần giao dịch là 3.437.000đ (ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng). L tiếp tục chọn mua: 01 (một) dây chuyền và mặt dây chuyền bằng vàng Ý 750 trọng lượng 1,2 chỉ; 01 (một) mặt dây chuyền vàng Ý 750 trọng lượng 1,42 chỉ; 01 (một) kiềng đeo cổ vàng Ý 750 trọng lượng 3,87 chỉ; 01 (một) kiềng đeo cổ bằng vàng Ý 750 trọng lượng 4,77 chỉ; tổng giá tiền là 38.886.000đ (ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Ngoài ra, L chọn mua thêm một kiềng đeo cổ loại vàng Ý 750 trọng lượng 4,79 chỉ trị giá 17.146.000đ (mười bảy triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). L đề nghị anh D viết riêng hóa đơn chiếc vòng cổ này để gửi cho bạn. Sau đó, anh D tính tổng số tiền L cần thanh toán mua vàng là 56.032.000đ (năm mươi sáu triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng). L nói sẽ chuyển khoản ngân hàng cho anh D số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Sau đó, L dùng số điện thoại 01882.944.544 soạn tin nhắn với nội dung: “TK48210000332566 tại BIDV +60,000,000VND vào 12:30 15/6/2018. Số dư:81,928,601VND. ND: gửi tiền mua vàng” gửi vào số điện thoại của anh D. Anh D nhận được tin nhắn báo tài khoản nhận được tiền nên viết hóa đơn và giao toàn bộ số tài sản cùng số tiền thừa là 3.968.000đ (ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) cho L. Thanh toán xong, L cầm toàn bộ số trang sức bằng vàng đi về. Anh D ra ngân hàng để rút tiền thì phát hiện tài khoản ngân hàng của mình không có số tiền do L chuyển khoản mua vàng, mà thực chất các tin nhắn với tên “BIDV” là do số điện thoại 01882.944.544 gửi đến lúc này anh D mới biết bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an. Toàn bộ số tài sản trên L đã sử dụng cá nhân hết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá số 20 ngày 08/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Hà Nam xác định tổng trị giá số tài sản là các loại trang sức bằng vàng do L chiếm đoạt của anh Phạm Tiến D là 74.724.100đ (bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm đồng). Cộng với số tiền anh D đưa cho L do chuyển khoản thanh toán thừa số tiền là 7.405.000đ (bảy triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng) tổng số tiền L chiếm đoạt của anh D là 82.129.100đ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn một trăm đồng).

Về việc dân sự: Anh Phạm Tiến D yêu cầu L bồi thường khắc phục hậu quả số tiền là 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng). Đến nay, L chưa bồi thường được số tiền trên.

Lần thứ tư:

Vào sáng ngày 21/6/2018, Phan Hồng L đi xe taxi đi một mình từ thành phố Hà Nội đến địa bàn thành phố NB, tỉnh Ninh Bình với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, L xuống xe taxi và đi vào cửa hàng vàng TTNA có địa chỉ: Số 28 đường VG, phố 9, phường VG, TP NB, tỉnh Ninh Bình. L gặp hai vợ chồng chủ cửa hàng là anh Vũ Văn T (sinh năm 1974) và chị Phạm Thị Lệ T (sinh năm 1975) cùng trú tại địa chỉ trên. L hỏi chị T muốn xem một số trang sức bằng vàng tây và vàng ta, chị T đồng ý rồi tư vấn cho L. L chọn một số trang sức bằng vàng với tổng giá trị là 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). L hỏi anh T “*có nhận thanh toán qua thẻ ngân hàng không?*”, anh T trả lời là “*không*”. L đề nghị được thanh toán qua tài khoản ngân hàng thì anh T đồng ý. L hỏi anh T cho mượn điện thoại để chụp ảnh mẫu trang sức bằng vàng để gửi về cho mẹ xem có thích hay không. Anh T tin tưởng nên đã đưa cho L mượn chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng của mình có lắp số điện thoại 0915.378.107 để L sử dụng. Trong quá trình sử dụng, L xem nội dung tin nhắn ngân hàng Vietinbank được lưu trong điện thoại của anh T để biết số dư trong tài khoản ngân hàng của anh T và lưu số điện thoại của L là 0911.138.150 vào trong danh bạ điện thoại của anh T với tên là “VietinBank”. Sau khi đã thực hiện xong thao tác trên, L trả lại chiếc điện thoại Iphone 6 Plus cho anh T. Sau đó, L hỏi số tài khoản ngân hàng của anh T để chuyển tiền thanh toán mua vàng, anh T đồng ý và cung cấp cho L số tài khoản ngân hàng của mình là 103.000.279.806 mở tại ngân hàng Vietinbank. L dùng điện thoại của mình có lắp số thuê bao là 0911.138.150 để soạn tin nhắn giả mạo ngân hàng Vietinbank gửi đến số điện thoại 0915.378.107 của anh T với nội dung đã chuyển tiền thành công số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng của anh T. L nói với anh T là đã chuyển trước một ít tiền để xem có chuyển được hay không. Sau đó, L dùng số điện thoại 0911.138.150 gửi tiếp 01 tin nhắn đến số điện thoại của anh T với nội dung tài khoản ngân hàng Vietinbank của anh T đã nhận được số tiền là 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi nhận được tin nhắn trên của L nên anh T tin tưởng L đã chuyển tiền thanh toán mua vàng. Sau đó, L tiếp tục chọn mua thêm một số trang sức bằng vàng khác với giá trị lần mua này khoảng 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng). Với thủ đoạn như trước, L gửi tiếp 01 tin nhắn đến số điện thoại của anh T với nội dung tài khoản ngân hàng Vietinbank của anh T đã nhận được số tiền 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng). Sau khi anh T nhận được các tin nhắn với tên là “Vietinbank” (thực chất do L gửi đến) nên anh T viết hóa đơn mua bán vàng và giao lại toàn bộ số tài sản gồm: 01 dây chuyền ngọc trai bằng vàng tây trọng lượng 1,8 chỉ; 01 đôi nẹp vàng tây trọng lượng 0,28 chỉ; 01 mặt ngọc vàng tây trọng lượng 0,58 chỉ; 12 chỉ vàng SJC 9999; 01 lắc tay vàng 9999 trọng lượng 05 chỉ; 01 lắc tay vàng 9999 trọng lượng 03 chỉ; 04 nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn là 01 chỉ; 01 tỷ hưu 9999 trọng lượng 0,24 chỉ; 01 Charm cá chép vàng 9999 trọng lượng 0,26 chỉ cho L. Tổng giá trị

số tài sản trên là 99.680.000đ (chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Anh T xin số điện thoại của L để liên lạc, L đồng ý và cung cấp số điện thoại của mình là 0923.213.683 cho anh T. L cho toàn bộ số tài sản trên vào túi xách và bắt taxi ra về. Đến ngày 25/6/2018, anh T ra ngân hàng để rút tiền thì phát hiện trong tài khoản không nhận được số tiền do L thanh toán mua vàng, biết bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh T đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an. Sau khi chiếm đoạt số tài sản trên, L đã bán tại một cửa hàng vàng (không rõ địa chỉ) được số tiền khoảng 85.000.000đ (tám mươi năm triệu đồng) và đã sử dụng cá nhân hết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 43 ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố NB, tỉnh Ninh Bình xác định trị giá số tài sản do L chiếm đoạt của anh Vũ Văn T là 96.191.000đ (chín mươi sáu triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Vũ Văn T yêu cầu L bồi thường số tiền là 96.191.000đ (chín mươi sáu triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng). L đã khắc phục bồi thường số tiền là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) nên anh T đề nghị L phải bồi thường số tiền còn lại là 16.191.000đ (mười sáu triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng).

Lần thứ năm:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/7/2018, Phan Hồng L đi đến cửa hàng vàng BN có địa chỉ: Số 480B XD, phường ND, quận DD, thành phố Hà Nội. L gặp hai nhân viên của cửa hàng vàng là chị Đặng Thị O (sinh năm 1996) và chị Nguyễn Thị Hồng H (sinh năm 1997) cùng trú tại: Xóm 3, DH, DH, tỉnh Thái Bình. L nói với hai nhân viên cửa hàng vàng muốn mua một số đồ trang sức bằng vàng. L chọn mua một vòng tay bằng vàng 9999 loại 3 chỉ, 02 mặt Charm bằng vàng, 01 nhẫn vàng loại 2 chỉ với tổng số tiền là 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng). L đề nghị với hai nhân viên cửa hàng được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng thì được đồng ý. Chị O và chị H đã cung cấp tài khoản ngân hàng số 069704040044789 mang tên Phạm Tiến T (sinh năm 1978; Trú tại: 480B XD, phường ND, quận DD, TP Hà Nội) là chủ cửa hàng mở tại ngân hàng VIB chi nhánh CG, thành phố Hà Nội cho L. L dùng chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng của mình có lắp số thuê bao 0973.508.811 để L tự lưu chính số điện thoại 0973.508.811 vào danh bạ điện thoại với tên là “Techcombank”. Sau đó, L sao chép nội dung tin nhắn ngân hàng Techcombank có sẵn lưu trong điện thoại của L để chỉnh sửa nội dung đã chuyển tiền thành công số tiền 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) vào số tài khoản ngân hàng 069704040044789 của anh Phạm Tiến T mở tại ngân hàng VIB. Chỉnh sửa xong nội dung tin nhắn, L tự gửi tin nhắn này vào chính số điện thoại 0973.508.811 của L. Sau đó, L hỏi chị Đặng Thị O xem đã nhận được tiền chưa. Nghe L nói vậy, chị O có gọi anh Phạm Tiến T đang ở trên tầng xuống để hỏi xem điện thoại anh T đã có tin nhắn ngân hàng báo nhận được tiền hay không. Anh T đi

xuống cửa hàng và kiểm tra điện thoại của anh T (số điện thoại 0989.066.688 dùng để đăng ký dịch vụ báo ngân hàng qua tin nhắn điện thoại) thì không thấy nhận được tin nhắn của ngân hàng gửi đến. Nghe anh T nói vậy, L trả lời: “*Đã chuyển số tiền 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) sang tài khoản nhưng do chuyển khác ngân hàng nên chưa nhận được tiền ngay*”. Sau đó, L cho anh T xem nội dung tin nhắn trên điện thoại của L. Anh T thấy vậy tin tưởng nên chụp ảnh lại nội dung tin nhắn trên điện thoại của L cùng giấy tờ tùy thân là hộ chiếu của L mang theo và đồng ý giao dịch mua bán với L. Sau đó, chị H và chị O viết hóa đơn mua bán vàng và bàn giao toàn bộ số trang sức bằng vàng trên cho L. L nhận tài sản và ra về.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L tiếp tục đến cửa hàng vàng BN để mua vàng. L gặp chị O, chị H cùng anh T ở cửa hàng. L chọn mua một dây chuyền bằng vàng loại 9999 trọng lượng 8 chỉ có họa tiết hoa 3D với giá trị là 29.700.000đ (hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng). L đề nghị anh T được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng và được đồng ý. Sau đó, L sử dụng thủ đoạn như trước, dùng số điện thoại của L là 0973.508.811 tự gửi tin nhắn đến chính số điện thoại này với nội dung đã chuyển tiền thành công sang tài khoản ngân hàng của anh Phạm Tiến T với số tiền là 29.700.000đ (hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng). L cho anh T xem nội dung tin nhắn đã chuyển tiền thành công trong máy điện thoại của L. L vẫn lấy lý do chuyển tiền ngân hàng khác hệ thống và ngày 7/7/2018 là ngày nghỉ (thứ bảy) nên phải đến thứ hai tuần sau (tức ngày 09/7/2018) thì anh T mới nhận được tiền. Nghe L nói vậy, anh T chụp ảnh lại nội dung tin nhắn trong điện thoại của L và đồng ý giao dịch. Sau đó, chị O và chị H viết hóa đơn và bàn giao sợi dây chuyền cho L. L cầm theo hóa đơn và sợi dây chuyền vàng rời khỏi cửa hàng vàng BN. Đến ngày 09/7/2018, anh Tg vẫn không nhận được tin nhắn báo nhận được tiền từ ngân hàng VIB nên đã đến ngân hàng kiểm tra tài khoản thì phát hiện không có mã giao dịch chuyển tiền của L. Lúc này anh T biết bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an. Sau khi lừa đảo chiếm đoạt số tài sản trên, L đem bán tại một cửa hàng (không rõ địa chỉ) thuộc khu vực CL, thành phố Hà Nội với số tiền là 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) L đã sử dụng cá nhân hết nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 353 ngày 04/9/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xác định trị giá số vàng do L chiếm đoạt tại cửa hàng vàng BN là 47.200.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Phạm Tiến T yêu cầu L bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 50.700.000đ (năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Nhưng đến nay, L vẫn chưa bồi thường được số tiền nêu trên.

Toàn bộ số tài sản là các loại trang sức bằng vàng, tiền đô la Mỹ, tiền Việt Nam đồng do L thực hiện trong các lần phạm tội đã được L bán hết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng do anh Phạm Tiến D giao nộp để phục vụ công tác điều tra, hiện đã trả lại cho anh Phạm Tiến D quản lý sử dụng.

Các khoản tiền tạm giữ trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý trong từng vụ án.

- Các vật chứng được chuyển theo hồ sơ vụ án gồm:

+ 01 bì niêm phong ký hiệu CD 2018 bên trong có 01 đĩa DVD ghi hình ảnh Phan Hồng L thực hiện hành vi phạm tội tại cửa hàng vàng bạc HH ngày 08/7/2018.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu CD 2018 bên trong có 01 USB ghi hình ảnh Phan Hồng L tại cửa hàng vàng bạc KQ thuộc phường TT, thành phố TN ngày 08/7/2018.

+ 01 bì niêm phong bên trong có 01 đĩa DVD ghi hình ảnh Phan Hồng L thực hiện hành vi phạm tội tại cửa hàng vàng bạc TTNA vào ngày 21/6/2018 tại thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

+ 01 đĩa DVD của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên ghi các hoạt động lấy lời khai của Phan Hồng L ngày 11/7/2018.

- Các vật chứng do cơ quan điều tra thu giữ hiện đang ở kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên và tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý .

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS (P2) ngày 26/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Phan Hồng L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, Phan Hồng L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Hồng L từ 12 đến 13 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584; 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trịnh Quang T số tiền là 119.134.000đ; Bồi thường cho anh Phạm Tiến D 81.000.000đ; Bồi thường cho anh Vũ Văn T số tiền 16.191.000đ; Bồi thường cho anh Phạm Tiến T số tiền 50.700.000đ; Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà

nước của bị cáo 3 chiếc điện thoại di động, trả cho bà H 01 thẻ ATM; tịch thu tiêu hủy gồm 01 thẻ ATM mang tên bị cáo, 01 túi sách giả da màu đen, 01 đoạn dây màu đỏ dài 13cm và các sim điện thoại do bị cáo đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; trả cho bị cáo 01 hộ chiếu mang tên bị cáo; tạm giữ của bị cáo 01 đồng hồ đeo tay hiệu “ROLEX” và các vật chứng đang gửi tại Kho bạc để đảm bảo thi hành án cho bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh mà cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo xử phạt bị cáo thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

Những người bị hại gồm anh D, ông T và anh T (vắng mặt) có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo pháp luật; Chị H và anh T đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận gì. Trong lời nói cuối cùng, bị cáo xin hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, những người bị hại là anh T vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ; ông T, anh D, anh Vũ Văn T, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư và những người tham gia tố tụng khác đã thảo luận, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của Phan Hồng L tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo ở cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Phan Hồng L do cần tiền trả nợ và sử dụng cá nhân nên đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức hỏi mua hàng sau đó yêu cầu được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng qua dịch vụ Internet banking để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại các cửa hàng vàng bạc, của hàng bán Đàn (nhạc cụ) trên các tỉnh, thành phố khác nhau cụ thể như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 08/7/2018, L đến cửa hàng vàng bạc HH thuộc tổ 3, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. L đi vào trong cửa hàng thì gặp chủ cửa hàng là bà Trần Thị Bích H, L dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà H các tài sản gồm: vàng, tiền đô la Mỹ, đá quý có

tổng trị giá 206.912.497đ (hai trăm linh sáu triệu chín trăm mười hai nghìn bốn trăm chín bảy đồng). Sau đó L đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Ngoài lần phạm tội nêu trên, quá trình điều tra đã làm rõ: trong khoảng thời gian từ ngày 19/12/2017 đến ngày 10/7/2018, Phan Hồng L đã 05 lần sử dụng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các cá nhân trên địa bàn các tỉnh, thành phố khác nhau, cụ thể là:

Lần thứ nhất: Từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017, Phan Hồng L đến cửa hàng bán đàn piano, địa chỉ tại số 275 NT, TXT, quận TX, thành phố Hà Nội gặp chủ cửa hàng là anh Phạm Văn T rồi thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của anh T 179.000.000đ (một trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 9/6/2018, Phan Hồng L đến cửa hàng vàng TA, địa chỉ ở số: 2A ngõ 119 HDD, phường ND, quận DD, thành phố Hà Nội gặp hai vợ chồng chủ cửa hàng là ông Trịnh Quang T và bà Hà Mai H rồi thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tài sản của ông T và bà H gồm các mặt hàng vàng bạc và đồ la Mỹ có trị giá là 119.134.000đ (một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Lần thứ ba: Ngày 15/6/2018, Phan Hồng L đi đến cửa hàng vàng AT có địa chỉ: Số 34, đường BH, TP PL, tỉnh Hà Nam gặp hai vợ chồng chủ cửa hàng là anh Phạm Tiến D và chị Lê Thị Hồng A rồi thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tài sản của anh D và chị Hồng A gồm các mặt hàng vàng bạc có trị giá là 82.129.100đ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn một trăm đồng).

Lần thứ tư: Ngày 21/6/2018, Phan Hồng L đi đến cửa hàng vàng TTNA có địa chỉ: Số 28 đường VG, phố 9, phường VG, TP NB, tỉnh Ninh Bình gặp hai vợ chồng chủ cửa hàng là anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị Lệ T rồi thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tài sản của anh T và chị T gồm các mặt hàng vàng bạc có trị giá là 96.191.000đ (chín mươi sáu triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng).

Lần thứ năm: Ngày 07/7/2018, Phan Hồng L đi đến cửa hàng vàng BN do anh Phạm Tiến T làm chủ có địa chỉ: Số 480B XD, phường ND, quận DD, thành phố Hà Nội rồi thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tài sản của anh T gồm các mặt hàng vàng bạc có trị giá là 47.200.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Vậy số tài sản L chiếm đoạt 06 lần của các bị hại nêu trên có tổng trị giá là 730.566.597đ (bảy trăm ba mươi triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng).

Trong 06 lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại như đã nêu trên, có 01 lần bị cáo thực hiện trước ngày 01/01/2018; Căn cứ các quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành cáo trạng truy tố Phan Hồng L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên.

b)...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm 1 công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, cần buộc bị cáo phải chịu mức án phù hợp với hành vi do bị cáo gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã cùng bố mẹ của bị cáo bồi thường cho các bị hại Trần Thị Bích H số tiền 210.000.000đ; bồi thường cho Phạm Văn T tổng cộng là 179.000.000đ; bồi thường cho anh Vũ Văn T số tiền 80.000.000 đ; 02 người bị hại là chị H và anh T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Qua xem xét đánh giá như đã nêu trên, khi lượng hình cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung đồng thời cũng để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, cải tạo tốt sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không còn tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này, bị cáo đã cùng bố mẹ của bị cáo bồi thường cho các bị hại gồm: Trần Thị Bích H số tiền 210.000.000đ; Bồi thường cho Phạm Văn T tổng cộng là 179.000.000đ; 2 người bị hại này không yêu cầu gì.

Bị cáo đã bồi thường cho anh Vũ Văn T số tiền 80.000.000 đ, trong quá trình điều tra, anh T yêu cầu bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh số tiền 16.191.000đ (bút lục 1240), nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh T lại yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp cho anh 20.000.000đ. Căn cứ kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác, cần buộc bị cáo bồi thường tiếp cho anh T 16.191.000đ là phù hợp theo quy định.

Đối với ông T, anh D và anh T bị cáo chưa bồi thường; tại phiên tòa hôm nay 3 người này đều vắng mặt nhưng đều có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Xét đề nghị đó là có căn cứ nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trịnh Quang T số tiền là 119.134.000đ; Bồi thường cho anh Phạm Tiến D 81.000.000đ; Bồi thường cho anh Phạm Tiến T số tiền 50.700.000đ.

Đối với số tiền đã bồi thường cho chị Trần Thị Bích H và anh Phạm Văn T là do ông S và bà H (là bố và mẹ đẻ bị cáo) đã bồi thường thay cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, ông S và bà H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vật chứng vụ án: áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, xử lý như sau:

- Đối với 2 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 do bị cáo tự nguyện giao nộp theo bị cáo khai đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Trả cho bà Nguyễn Thị Minh H (là mẹ đẻ bị cáo) 1 thẻ ATM mang tên NGUYEN THI MINH HONG;

- Trả cho bị cáo 01 hộ chiếu mang tên Phan Hồng L.

- Tịch thu tiêu hủy gồm 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcom bank mang tên Phan Hồng L; 03 sim điện thoại do bị cáo đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; 01 túi xách giả da màu đen của bị cáo; 01 đoạn dây màu đỏ dài 13cm có nhiều hạt tròn đỏ chưa rõ chất liệu thu giữ của tiệm vàng HH (do chị Trần Thị Bích H đề nghị tiêu hủy).

- Tạm giữ của bị cáo 1 chiếc đồng hồ ROLEX và các đồ vật còn giá trị sử dụng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8] Trong vụ án này còn có Dương Văn C, Chu Công T là người mua lại số tài sản và do bị cáo phạm tội mà có, chị Bùi Thị Kim A đổi tiền đô la Mỹ cho bị cáo, nhưng khi mua tài sản và đổi hộ tiền, anh C, anh T và chị Kim A không biết về nguồn gốc số tài sản là do phạm tội mà có nên hành vi của anh C, anh T và chị Kim A không cấu thành tội phạm.

- Đối với hành vi mua bán ngoại tệ trái phép của bị cáo Phan Hồng L với bà Trần Thị Bích H, ông Trịnh Quang T, Chu Công T và Dương Văn C, Bùi Thị Kim A đã phạm vào điểm g, Khoản 2, Điều 24 Nghị định 96/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Tuy nhiên, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính này không thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên nên Cơ quan điều tra đã tiến hành củng cố tài liệu để chuyển Cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[9] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và của vị luật sư là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Hồng L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phan Hồng L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2018.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329/BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận việc bị cáo đã cùng bố mẹ của bị cáo bồi thường cho các bị hại gồm: Trần Thị Bích H số tiền 210.000.000đ; Bồi thường cho Phạm Văn T tổng cộng là 179.000.000đ; 2 người bị hại này không yêu cầu gì. Bị cáo đã bồi thường cho anh Vũ Văn T số tiền 80.000.000 đ,

Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại gồm: bồi thường cho anh Vũ Văn T số tiền 16.191.000đ (mười sáu triệu, một trăm chín mươi một ngàn đồng chẵn); bồi thường cho ông Trịnh Quang T số tiền là 119.134.000đ (một trăm mười chín triệu, một trăm ba mươi tư ngàn đồng chẵn); Bồi thường cho anh Phạm Tiến D 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng chẵn); Bồi thường cho anh Phạm Tiến T số tiền 50.700.000đ (Năm mươi triệu, bảy trăm ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Vật chứng vụ án: áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, xử lý như sau:

* Tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu đen đựng trong 1 bì niêm phong theo quy định.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh xám, IMEI: 355218050011815 bên trong có 01 sim điện thoại, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đựng trong 1 bì niêm phong theo quy định.

* Trả cho bà Nguyễn Thị Minh H (là mẹ đẻ bị cáo) 01 thẻ ATM màu vàng của ngân hàng BIDV số thẻ 9704180087435012 mang tên “ NGUYEN THI MINH H”.

* Trả cho bị cáo 01 hộ chiếu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số B5409863 mang tên Phan Hồng L, sinh ngày 18/9/1992 cấp ngày 15/6/2011 có giá trị đến ngày 15/6/2021 gồm 48 (bốn mươi tám trang).

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank số thẻ 4221498678274425 mang tên “PHAN HONG L”.

- 01 bì được niêm phong theo quy định bên ngoài ghi có: 01 (một) sim điện thoại Viettel số thuê bao là 01666698992, 01 (một) sim điện Vinaphone số thuê bao là 0911138150, 01 (một) sim điện Vietnam mobile số thuê bao là 0923213683.

- 01 đoạn dây màu đỏ dài 13cm, có nhiều hạt tròn màu đỏ chưa rõ chất liệu, tình trạng đã qua sử dụng;

- 01 túi xách màu đen, giả da, có kích thước 26x32x12cm, mặt trước và sau túi có ghi chữ “TOCCO TOSCANO ITALY”, tình trạng đã qua sử dụng.

*Tạm giữ của bị cáo 01 đồng hồ đeo tay, hiệu “ROLEX” đựng trong 01 phong bì niêm phong theo quy định do cơ quan điều tra thu giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Số vật chứng nêu trên hiện đang ở kho của cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/5/2019).

*Tạm giữ các đồ vật của bị cáo còn giá trị sử dụng do cơ quan điều tra thu giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo gồm: Một vòng đeo tay gồm 22 hạt hình tròn màu trắng, 02 hạt hình tròn màu vàng, 01 vật hình con kỳ lân bằng kim loại màu vàng và 03 sợi dây màu trắng với tổng trọng lượng là 10,511 gam; 01 vòng đeo tay gồm 19 hạt hình tròn không màu, 01 ống trụ làm bằng kim loại màu vàng, 04 sợi dây màu trắng, tổng trọng lượng là 16,712 gam, 01 đôi khuyên tai gồm 02 chiếc khuyên tai, trong đó có 01 chiếc khuyên tai đã bị tách rời nhau, trọng lượng 7,36 gam, một chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng hình tròn được chế tác hình chiếc nơ, tổng trọng lượng là 1,54 gam, một chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 3,92 gam, một chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 4,52 gam, một chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu trắng, trọng lượng 4,558 gam, một vòng tay bằng kim loại màu trắng, gồm 32 hạt được xâu lại bằng 01 dây kim loại màu trắng, một khối đá có 02 viên đá màu hồng và 02 viên đá màu đỏ, tổng trọng lượng 4,284 gam (Vật chứng nêu trên hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận tài sản ngày 04/3/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phan Hồng L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 13.351.250 đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại là chị H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; báo cho những người này biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại vắng mặt (gồm anh Phạm Văn T, ông Trịnh Quang T, anh Phạm Tiến D, anh Vũ Văn T, anh Phạm Tiến T) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Tỉnh TN;
- Bị cáo (qua Trại giam);
- Người tham gia TT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Khánh Hồng

(Đã ký)